

Bản án số: 183/2024/HS-PT

Ngày: 24/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng T - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 218/2024/TLPT-HS ngày 26/8/2024 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Phạm Thị M do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Phạm Thị M đối với bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HSST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc T1; tên gọi khác: Không có; Giới tính: N; sinh năm 1980;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; Bố đẻ: Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1954; mẹ đẻ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1987; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 07/4/2024, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Thị M; tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ; sinh năm 1977;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 5/12; Bố đẻ: **Phạm Văn A**, sinh năm 1956; mẹ đẻ: **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1957; Gia đình có 05 anh, chị em, bị cáo là thứ hai; Chồng: **Lê Đình Đ**, sinh năm 1973; Bị cáo có 01 con, sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024 đến ngày 13/6/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” và “Tạm hoãn xuất cảnh” có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn 09 bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 17 giờ 00 phút ngày 29/3/2024, tại phòng ngủ nhà **Ngô Thị V** ở thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội **Công an huyện L** phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 11 đối tượng về hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng”, gồm: **Ngô Thị V**, **Giáp Văn H1**, **Phạm Thị M**, **Nguyễn Thị N2**, **Nguyễn Văn S**, **Trương Quang H2**, **Nguyễn Văn N3**, **Dương Văn T3**, **Nguyễn Văn H3**, và **Nguyễn Ngọc T1**. Thu giữ các vật chứng, đồ vật, tài sản gồm:

+ Thu giữ trên chiếu bạc: 01 tấm thảm nỉ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; số tiền 4.300.000 đồng; 01 két sắt hình hộp chữ nhật, bên trong có 04 bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng và số tiền 2.700.000 đồng.

+ Thu giữ trên người các bị cáo số tiền 8.700.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc, trong đó: 1.000.000 đồng của **T3**, 600.000 đồng của **T4**, 2.250.000 đồng của **T1**, 1.900.000 đồng của **N3**, 1.900.000 đồng của **S** và 1.050.000 đồng của **N2**.

+ Thu giữ các đồ vật tài sản khác, gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen của **V**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, 01 xe ô tô Toyota Camry màu đen, biển kiểm soát 98A- 740.65 của **H1**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu trắng của **T3**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu nâu, 01 xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 98G1- 180.22 của **H2**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đỏ của **T4**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen của **H3**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen và số tiền 29.300.000 đồng của **T1**; 01 chiếc điện thoại Oppo màu đen, 01 xe ô tô Ford Escape màu đen, biển kiểm soát 98A-508.86 của **N3**; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng, số tiền 11.050.000 đồng, 01 xe mô tô Honda Airblade, biển kiểm soát 98M1- 235.24 của **S**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, 01 xe mô tô Honda Airblade, biển kiểm soát 98B2- 222.16 của **N2**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, 01 túi vải màu đen, bên trong có 10.000.000 đồng và 01 xe máy điện DK Bike, biển kiểm soát 98MĐ4- 060.03 của **M**.

Quá trình điều tra, xác định: **Giáp Văn H1** với **Ngô Thị V** có quan hệ quen biết xã hội với nhau. Khoảng cuối tháng 3/2024, **H1** đặt vấn đề với **V** cho mọi người đánh

bạc tại nhà V nhằm mục đích thu tiền từ các con bạc kiếm lời, V đồng ý, cả hai thống nhất trong một ngày sẽ chia làm 02 ca đánh bạc, mỗi ca sẽ thu 100.000 đồng/01 người chơi, số tiền thu được sau khi trừ đi các chi phí sẽ chia đều cho H1 và V. Sau khi thỏa thuận xong, H1 đem đến cho V 01 tấm thảm nỉ, 01 kết sắt được đặt mặt khau là “1975”, bên trong là một số bộ bài tú lơ khơ.

Buổi sáng ngày 29/3/2024, H1 gọi điện rủ Nguyễn Ngọc T1 và Phạm Thị M đến nhà V đánh bạc, T1 và M đồng ý, đồng thời T1 gọi điện rủ thêm S, M gọi điện rủ H2 đến nhà V đánh bạc. Sau khi rủ được T1, M thì H1 gọi điện bảo V rủ thêm người chơi khác đến đánh bạc cùng, V đồng ý và gọi điện rủ N2, T3 và T4 đến nhà đánh bạc. Khoảng 10 giờ cùng ngày, S đi xe mô tô 98M1- 235.24 chở T1, T3 và T4 đi xe taxi đến nhà V để đánh bạc. Khi mọi người đến V trải tấm thảm nỉ ra nền phòng ngủ, để kết sắt vào giữa tấm thảm và chuẩn bị bài tú lơ khơ để cho T1, S, T3 và T4 đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh “Liêng”. Khi mọi người chơi, V yêu cầu mỗi người đút 100.000 đồng vào kết sắt.

Về cách thức đánh bạc và mức sát phạt: Các bị cáo dùng 52 quân bài tú lơ khơ chia đều cho mỗi người 03 quân, bài thừa úp bỏ để ở giữa. Trước khi lên bài mỗi người đặt 50.000 đồng tiền vào nước; sau khi lên bài người chia sẽ được tổ cược trước hoặc bỏ bài, số tiền tổ cược từ 50.000 đồng trở lên; những người chơi theo thứ tự từ bên phải người chia sẽ tổ cược số tiền bằng hoặc cao hơn người tổ cược trước, ai không tổ cược theo sẽ úp bài và mất tiền vào nước và tiền tổ trước (nếu đã tổ trước đó). Cứ như vậy đến hết vòng mà không ai tổ cược cao hơn, tức là những người tổ cược cùng một mức hoặc đến mức tối đa theo thỏa thuận thì người chơi sẽ mở bài để tính điểm so thắng thua. Cách so bài như sau: Bài cao nhất là “sáp”, tức là có 03 quân giống nhau (sáp 03 quân A cao nhất, rồi đến K, Q...3, 2); tiếp đến là “liêng”, tức là có 03 quân tạo thành 01 dãy liên tiếp nhau (Q, K, A to nhất, rồi đến J, Q, K... 1, 2, 3); tiếp theo là bài ảnh, tức là có 03 quân lớn hơn 10 nhưng không phải liêng, sáp; cuối cùng là bài điểm nếu ván chia không có sáp, liêng, ảnh, cách tính điểm như sau: cộng tổng 03 quân rồi lấy chữ số hàng đơn vị để so sánh, khi cộng thì từ quân 10 trở lên sẽ tính 0 điểm, các quân từ A đến 9 tương ứng điểm từ 1 đến 9. Nếu có bài bằng điểm nhau sẽ so sánh chất theo thứ tự rô, cơ, bích, tép (A rô là to nhất, các chất còn lại theo thứ tự từ quân K xuống). Trong ván, nếu người chơi được “sáp” sẽ được 200.000 đồng và “liêng” đồng hoa lớn nhất sẽ được 100.000 đồng của mỗi người chơi còn lại. Đồng thời, những người được sáp và liêng đồng hoa này phải bỏ ra số tiền lần lượt là 200.000đ và 100.000đ đút vào kết sắt.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang đánh bạc thì T4 nhờ V gọi điện cho N3 (N3 làm nghề chạy xe dịch vụ) đến chở T4 đi công việc, N3 đồng ý. Tuy nhiên, khi N3 đến thì T4 không đi nữa nên N3 ngồi vào đánh bạc cùng mọi người. Sau đó, lần lượt M đi xe máy điện BKS 98MD4 -060,03, N2 đi xe mô tô BKS 98B2- 222.16, H2 đi xe mô tô BKS 98G1- 180.22 đến nhà V và cùng tham gia đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì anh **Phạm Đình T5**, (là chồng của **V**) về nhà mục đích lấy tiền đi giải quyết công việc cá nhân. Khi thấy mọi người đánh bài trong phòng ngủ của gia đình mình, anh **T5** yêu cầu mọi người không chơi nữa rồi đi ra ngoài sân. Tại đây, anh **T5** gặp và hỏi **V** về lý do để mọi người đánh bài tại nhà, đồng thời yêu cầu **V** không cho mọi người đánh bài ở nhà mình nữa, **V** đồng ý. Sau đó, do bận công việc anh **T5** tiếp tục đi làm.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì **H1** đi xe ô tô 98A- 740.65 đến mở két sắt kiểm đếm số tiền trong két được khoảng 1.600.000 đồng rồi cất lại vào két và ngồi xem đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, **Nguyễn Văn H3** đến ngồi cạnh Hanh xem mọi người đánh bạc. Trong lúc đánh bạc, **H2** đứng dậy đi vệ sinh nên **H3** ngồi xuống đánh hộ **H2** được 03 ván thì **H2** vào đánh tiếp, còn **H3** tiếp tục ngồi xem đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Về số tiền thu giữ tại chiếu bạc, tiền sử dụng vào việc đánh bạc, xác định được như sau: Số tiền 4.300.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc và 2.700.000 đồng thu giữ trong két sắt là tiền các bị cáo đánh bạc.

- **T1** khai sử dụng số tiền 2.200.000 đồng để đánh bạc nhưng bị thua hết, sau đó **T1** vay của **M** 1.000.000 đồng, vay Sinh 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, **T1** đang bị thua và còn lại 2.250.000 đồng dùng để đánh bạc tiếp.

- **N3** khai dùng số tiền 2.100.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt quả tang **N3** đang thua và còn lại 1.900.000 đồng dùng đánh bạc tiếp.

- **M** khai có 2.000.000 đồng dùng đánh bạc, trong đó bỏ ra 500.000 đồng xuống chiếu để đánh bạc trước, còn lại cất 1.500.000 đồng vào túi vải màu đen. Quá trình đánh bạc, **M** dùng tiền đang đánh bạc cho **T1** vay 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, **M** để số tiền đang sử dụng đánh bạc dưới thảm nỉ, còn số tiền 1.500.000 đồng khi bị bắt giữ đã rơi ra ngoài.

- **T3** khai có 1.900.000 đồng dùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, **T3** dùng tiền đánh bạc trả nợ **H2** 500.000 đồng và vay **T4** số tiền 300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, **T3** cất số tiền 1.000.000 đồng đang sử dụng đánh bạc tại túi quần sau bên phải.

- **T4** khai có 1.900.000 đồng dùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, **T4** dùng tiền đánh bạc cho **T3** vay số tiền 300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, **T4** cất số tiền 600.000 đồng đang sử dụng đánh bạc tại túi quần trước bên trái.

- **H2** khai có 450.000 đồng dùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, **H2** được **T3** trả nợ cá nhân số tiền 500.000 đồng và tiếp tục sử dụng số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, **H2** để toàn bộ tiền đang sử dụng đánh bạc dưới thảm nỉ.

- Nguyên khai có 500.000 đồng dùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, **N2** thua hết tiền nên vay **V** 100.000 đồng (tiền cá nhân của **V**) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, **N2** cất số tiền 1.050.000 đồng đang sử dụng đánh bạc tại cặp quần phía sau.

- Sinh khai có 2.350.000 đồng tiền đánh bạc, trong đó **S** dùng tiền đánh bạc cho **T1** vay 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, **S** cất số tiền 1.900.000 đồng đang sử dụng đánh bạc tại túi quần phía trước bên trái.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc xác định là **18.000.000** đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các đối tượng đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu trên.

Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 14/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Giáp Văn Hùng; Ngô Thị Vân; **Nguyễn Ngọc T1**; **Phạm Thị M**; **Nguyễn Văn S**; **Dương Văn T3**; **Giáp Văn T6**, **Nguyễn Văn N3**; **Nguyễn Thị N2**; **Trương Quang H2** và **Nguyễn Văn H3** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HSST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Ngọc T1** **01** (một) năm **01** (một) tháng tù về tội “Đánh bạc” thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 07/4/2024.

Phạt bổ sung bằng tiền **15.000.000** đồng (Mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Phạm Thị M** **10** (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024 đến ngày 13/6/2024.

Phạt bổ sung bằng tiền **10.000.000** đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với 09 bị cáo khác, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 22/7/2024 bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 25/7/2024, bị cáo **Phạm Thị M** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 28/7/2024, bị cáo **Nguyễn Thị N2** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 12/9/2024, bị cáo **Nguyễn Thị N2** có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án đã ra Thông báo về việc rút kháng cáo số 43/2024/TB-TA ngày 18/9/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **T1** xin rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo **M** xin

rút nội dung kháng cáo xin hưởng án treo và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo **T1** trình bày gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo phải nuôi 3 con nhỏ và mẹ già bị bệnh, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo đã cố gắng tự giác chấp hành và nộp số tiền hình phạt bổ sung và án phí của bản án. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **M** trình bày là gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo đã cố gắng tự giác chấp hành và nộp số tiền hình phạt bổ sung và án phí của bản án. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các căn cứ kháng cáo của bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T1**, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Ngọc T1**: 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho **UBND xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

** Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.*

Phạt bổ sung bằng tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** đã thi hành xong 15.200.000đ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai 0002721 ngày 24/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phạm Thị M**. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Phạm Thị M**: 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024 đến ngày 13/6/2024.

Phạt bổ sung bằng tiền **10.000.000** đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận bị cáo **Phạm Thị M** đã thi hành xong 15.200.000đ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai 0002995 ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** và bị cáo **Phạm Thị M** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo **T1** và bị cáo **M** mong hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T1**, **Phạm Thị M** nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với tài liệu tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ khoảng 10 giờ đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/3/2024 tại phòng ngủ nhà ở của **Ngô Thị V** ở **thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang**, **V** và **Giáp Văn H1** có hành vi cung cấp công cụ, phương tiện, cho 09 đối tượng đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh “Liêng” gồm: **Nguyễn Ngọc T1**, **Giáp Văn T6**, **Nguyễn Văn H3**, **Trương Quang H2**, **Nguyễn Văn N3**, **Dương Văn T3**; **Nguyễn Văn S**; **Nguyễn Thị N2** và **Phạm Thị M** với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là **18.000.000** đồng, thì bị **Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện L** phát hiện, bắt quả tang.

Như vậy khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Việc các bị cáo bị truy tố, xét xử với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, vai trò của các bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, xử phạt bị cáo **Phạm Thị M** 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc” là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo trình bày về hoàn cảnh khó khăn của gia đình các bị cáo, ngoài ra sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã có ý thức chấp hành các quyết định của bản án sơ thẩm và nộp thêm một số tài liệu, chứng cứ mới:

- Bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** đã tự nguyện nộp số tiền 15.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo **Phạm Thị Mai** sau khi xét xử sơ thẩm đã tự nguyện nộp số tiền 10.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm

Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho các bị cáo.

- Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** thấy: Bị cáo là nhân dân lao động, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo có thái độ tự giác chấp hành hình phạt bổ sung do Tòa cấp sơ thẩm xử phạt, bản thân bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang là lao động chính nuôi 3 con nhỏ. Mặc dù số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo là nhiều nhất. Nhưng xét về vai trò thì bị cáo xếp sau vai trò của bị cáo **H1** và bị cáo **V**, mặt khác hành vi của bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng. Do vậy căn cứ theo Điều 65 BLHS và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** có đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T1**, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho **Viện KSND tỉnh B** tại phiên tòa phúc thẩm đã đề nghị nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

- Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phạm Thị M** thì thấy: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phạm Thị M**, sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo **M** như đề nghị của đại diện

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Do kháng cáo được chấp nhận, bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** và **Phạm Thị M** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T1**, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Ngọc T1**: 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho **UBND xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

** Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.*

Phạt bổ sung bằng tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** đã thi hành xong 15.200.000đ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai 0002721 ngày 24/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phạm Thị M**. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Phạm Thị M**: 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024 đến ngày 13/6/2024.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận bị cáo **Phạm Thị M** đã thi hành xong 15.200.000đ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai 0002995 ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo **Nguyễn Ngọc T1** và bị cáo **Phạm Thị M** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin Đ tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Chung